

TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN**THÔNG BÁO****Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường năm học 2023-2024**

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Kết quả tuyển sinh lớp 6 THCS	220	220			
II	Thông tin học sinh					
1	Tổng số học sinh theo từng khối	724	228	166	153	177
2	Số lớp	17	5	4	4	4
3	Số học sinh bình quân/lớp theo từng khối	42,6	45,6	41,5	38,3	44,3
4	Số học sinh nam/số học sinh nữ	317/349	108/120	95/70	82/71	82/97
5	Số học sinh dân tộc thiểu số	1	0	0	1	0
6	Số học sinh khuyết tật	0	0	0	0	0
7	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	Chuyển đến: 5 Chuyển đi: 4	1	2	2	0
			1	1	1	1
8	Số học sinh bỏ học	0	0	0	0	0
III	Kết quả đánh giá học sinh					
1	Hạnh kiểm, Rèn luyện	724	228	166	153	177
	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	642 88,7%	213 93,4%	141 84,9%	138 90,2%	150 84,8%
	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	64 8,8%	10 4,4%	21 12,7%	15 9,8%	27 15,2%
	Trung bình (Đạt) (tỷ lệ so với tổng số)	9 1,2%	5 2,2%	4 2,4%	0	0
	Yếu (Chưa đạt) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
2	Học lực, Học tập	724	228	166	153	177
	Giỏi (Tốt) (tỷ lệ so với tổng số)	369 51,0%	134 58,8%	90 54,2%	72 47,1%	73 41,2%
	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	253 34,9%	57 25,0%	55 33,1%	66 43,1%	75 42,4%
	Trung bình (Đạt) (tỷ lệ so với tổng số)	94 13,1%	32 14,0%	18 10,8%	15 9,8%	29 16,4%
	Yếu (Chưa đạt)	8	5	3	0	0

	(tỷ lệ so với tổng số)	1,1%	2,2%	1,8%		
	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
3	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	716 98,9%	224 98,2%	163 98,2%	153 100%	177 100%
4	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	7 0,9%	4 1,8%	3 1,8%	0	0
IV	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	177	0	0	0	177
	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)					73 41,2%
	Khá (tỷ lệ so với tổng số)					75 42,4%
	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)					29 16,4%
V	Số học sinh thi đỗ THPT công lập					
	Số lượng, tỷ lệ so với tổng số tốt nghiệp					152/177 85,9%
	Số lượng, tỷ lệ so với tổng số dự thi					152/160 95,0%

Yên Giang, ngày 10 tháng 8 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Thị Tình